HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG **BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ** * Số 59 -CV/BCĐQCDC *V/v báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019*	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Đơn Dương, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi: - Tổ trưởng các tổ công tác của Ban Chỉ đạo huyện;
- Các Đoàn thể chính trị -xã hội huyện;
- Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 45-CV/BCĐ ngày 22/10/2019 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019. Để kịp thời tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chỉ đạo quy chế dân chủ ở cơ sở huyện đề nghị các đồng chí Tổ trưởng các tổ công tác của Ban chỉ đạo huyện ***(UBMTTQVN huyện, LĐLĐ huyện và Phòng nội vụ huyện)***; các tổ chức chính trị - xã hội huyện; Ban Chỉ đạo QCDCCS các xã, thị trấn báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 *(theo đề cương báo cáo gửi kèm)*.

Căn cứ đề cương báo cáo đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo cụ thể như sau:

1. Đối với Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC các xã, thị trấn: báo cáo toàn diện theo đề cương.

2. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: báo cáo Mục 2, của Phần II: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Phần IV, V, VI.

3. Đối với Tổ công tác theo dõi Pháp lệnh số 34/2007/PL- UBTVQHI1: báo cáo Mục 1, của Phần III: Thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn và Phần IV, V, VI.

4. Đối với Tổ công tác theo dõi Nghị định số 04/2015/NĐ-CP: báo cáo Mục 2, của Phần III: Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Phần IV, V, VI.

5. Đối với Tổ công tác theo dõi Nghị định số 149/2018/NĐ-CP: báo cáo Mục 3, của Phần III: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc và Phần IV, V, VI.

Báo cáo gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở huyện (qua Ban Dân vận Huyện ủy). Địa chỉ Mail hộp thư công vụ: bdvdonduong@lamdong.gov.vn **trước ngày 12 tháng 11 năm 2019.**

Đề nghị các đồng chí quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- TT Huyện uỷ (b/c);
- Khối Dân vận các xã, thị trấn;
- Lưu BCĐQCDCCS huyện.

TRƯỞNG BAN DÂN VẬN HUYỆN ỦY
Kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

BAN DÂN VẬN

Lê Đình Thủy

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019
(Kèm theo Công văn số 59-CV/BCĐQCDC ngày 04/11/2019)

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

-Tình hình kinh tế - kinh tế, an ninh – quốc phòng tác động trực tiếp đến việc thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Đánh giá về sự tác động của các yếu tố trên đến việc xây dựng và thực hiện QCDC ở địa phương, đơn vị.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, nhân dân về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; các chủ trương của cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương đơn vị.

- Kết quả thực hiện Quy định số 04-QĐi/TU, ngày 01/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng về việc tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"; Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết; nhân rộng các điển hình, mô hình xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây

dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về "Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội", "Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền"; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị, xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

3. Hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở của các địa phương.

- Việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; kiện toàn, phân công trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo; công tác phối hợp với Ban Chỉ đạo với các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Kết quả tham mưu cho cấp ủy về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn, cơ quan, đơn vị.

- Kết quả tham mưu công tác tuyên truyền, tập huấn; kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng, nhân rộng điển hình về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đánh giá chất lượng hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Kết quả thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung trong Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11: nội dung công khai để nhân dân biết; nhân dân bàn và quyết định; nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; nhân dân giám sát. Nêu rõ nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chế độ "một cửa", "một cửa liên thông", dịch vụ công trực tuyến …

- Kết quả đối thoại trực tiếp của chính quyền với nhân dân; tình hình và kết quả tiếp công dân giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; việc sát nhập, việc bầu trưởng thôn, tổ dân phố...

- Kết quả thực hiện dân chủ trong thực hiện chủ trương, chính sách đối với người có công với cách mạng, người nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Kết quả hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban thanh tra nhân dân, tổ hòa giải, tổ nhân dân tự quản ở xã, thị trấn.

- Tác động của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng Đảng, chính

quyền trong sạch, vững mạnh; giải quyết việc làm; ổn định chính trị ở địa bàn nông thôn, xã, thị trấn *(nêu một số kết quả nổi bật ở địa phương, cơ sở)*.

2. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung nêu trong Nghị định số 04/2015/NĐ-CP: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức; những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết; những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra; dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan. Nêu rõ nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị "Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", "Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"; công tác cải cách hành chính; công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kết quả tổ chức hội nghị cán bộ, công chức; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.

- Tác động của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng cơ quan, đơn vị; thay đổi phong cách, lề lối làm việc; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo Nghị định số 149/2018/NĐ-CP

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung của Nghị định 149/2018/NĐ-CP: nội dung người sử dụng lao động phải công khai; nội dung người lao động tham gia ý kiến, quyết định, kiểm tra, giám sát. Nêu rõ nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả tổ chức đối thoại tại nơi làm việc; hội nghị người lao động và các hình thức thực hiện dân chủ khác; việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy định, quy chế của doanh nghiệp; vai trò của tổ chức công đoàn tham gia thực hiện Quy chế dân chủ tại nơi làm việc.

- Tác động của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đến phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đời sống, việc làm, thu nhập của công nhân lao động; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân
2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở.

- Kiến nghị, đề xuất với các cơ quan Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Quy chế dân chủ ở cơ sở tỉnh, huyện nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

(Kèm theo báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2019)

1. Tổng số văn bản đã ban hành trong năm 2019 (cấp huyện, cấp xã, thị trấn) ..... .
Trong đó: cấp ủy.....; Chính quyền: .....; Ban Chỉ đạo:.....
2. Công tác kiểm tra của cấp ủy, Ban Chỉ đạo năm 2019 (cấp huyện, cấp xã, thị trấn):
- Tổng số đoàn kiểm tra của cấp ủy:.....
- Tổng số đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo: .....
- Tổng số đơn vị cơ sở được kiểm tra:.....
3. Công tác tuyên truyền, tập huấn (cấp huyện, cấp xã, thị trấn):
-Số lượng các cuộc hội nghị:.....
- Trong đó: Tổ chức riêng..... cuộc; lồng ghép:..... cuộc
4. Cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính
- Tỷ lệ xã, thị trấn thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông":....%.
- Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế "một cửa", một cửa liên thông" ..... %.
- Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp huyện: Có □ Không □
5. về xây dựng nông thôn mới:
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới/tổng số xã:....., đạt tỷ lệ: .....%
- Số kinh phí huy động sức dân trong năm:.....đồng, đạt tỷ lệ: ..... %/ tổng số kinh phí xây dựng nông thôn mới.
- Số diện tích đất do nhân dân hiến để xây dựng cơ sở hạ tầng: .....
6. về thu nhập bình quân đầu người: .....triệu đồng/người/năm
7. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:.....%
- Tỷ lệ hộ nghèo:.....%
- Tỷ lệ hộ cận nghèo: ..... %
8. Số cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức/tổng số cơ quan, đơn vị:..... , đạt tỷ lệ: ..... %.
9. Số doanh nghiệp tổ chức hội nghị người lao động/tổng số doanh nghiệp: .....; đạt tỷ lệ: ..... %.
10. Số doanh nghiệp tổ chức đối thoại tại nơi làm việc/tổng số doanh nghiệp:.....; đạt tỷ lệ: ..... %.
11. Số vụ đình công, lãn công:..... vụ.
12. Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: .....%

T/M BAN CHỈ ĐẠO